



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-42

026

ÔNG

PH

IG 1

T

GF

ÊN

010

M.S.D.N.

TR

PH

01

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên	
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên	
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2015
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 20 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		353.621.638.320	687.158.537.599
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.397.307.715	7.159.256.124
111	1. Tiền		20.397.307.715	7.159.256.124
130	II Các khoản phải thu ngắn hạn		200.831.544.060	412.857.458.308
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	212.465.250.379	397.419.429.417
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.581.659.174	7.385.681.880
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	14.193.766.705	21.500.926.022
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.409.132.198)	(13.448.579.011)
140	III Hàng tồn kho	8	129.281.929.578	252.689.854.936
141	1. Hàng tồn kho		129.281.929.578	252.689.854.936
150	IV Tài sản ngắn hạn khác		3.110.856.967	14.451.968.231
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.110.856.967	7.431.399.471
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	7.020.568.760
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		461.421.515.618	493.558.135.385
210	I Các khoản phải thu dài hạn		130.000.000.000	160.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	13	130.000.000.000	160.000.000.000
220	II Tài sản cố định		132.111.940.252	145.754.708.104
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	116.786.984.902	130.081.365.167
222	- Nguyên giá		235.912.279.297	237.839.210.467
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(119.125.294.395)	(107.757.845.300)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.324.955.350	15.673.342.937
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.963.934.479)	(2.615.546.892)
240	III Tài sản dở dang dài hạn		26.815.009.675	26.801.522.117
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	26.815.009.675	26.801.522.117
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	156.017.723.852	150.755.041.365
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	74.650.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		77.515.000.000	77.515.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.447.276.148)	(1.409.958.635)
260	V Tài sản dài hạn khác		16.476.841.839	10.246.863.799
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	16.476.841.839	10.246.863.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		815.043.153.938	1.180.716.672.984

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		321.112.895.935	700.781.475.415
310	I Nợ ngắn hạn		300.899.841.235	680.510.087.715
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	75.409.228.063	172.864.145.144
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.717.277.663	5.327.259.914
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.122.201.893	1.204.782.285
314	4. Phải trả người lao động		6.380.030.556	3.698.569.332
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	970.461.738	1.033.338.767
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.153.443.636	320.313.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	658.533.277	544.345.165
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	200.316.117.778	491.193.074.532
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.172.546.631	4.324.258.758
330	II Nợ dài hạn		20.213.054.700	20.271.387.700
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.213.054.700	20.271.387.700
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		493.930.258.003	479.935.197.569
410	I Vốn chủ sở hữu	20	493.930.258.003	479.935.197.569
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		21.081.546.919	18.376.148.338
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.031.087.877	33.741.426.024
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		24.740.598.524	23.525.321.529
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		20.290.489.353	10.216.104.495
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		815.043.153.938	1.180.716.672.984


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.302.398.376.788	2.028.019.970.815
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	16.387.035.564	7.488.480.822
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.286.011.341.224	2.020.531.489.993
11	4. Giá vốn hàng bán	24	2.158.624.858.248	1.930.570.873.412
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.386.482.976	89.960.616.581
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	18.556.456.271	22.665.503.305
22	7. Chi phí tài chính	26	24.644.103.855	32.897.602.272
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.265.102.436	32.589.624.426
25	8. Chi phí bán hàng	27	44.998.629.659	36.385.242.994
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	41.795.904.017	26.211.831.140
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.504.301.716	17.131.443.480
31	11. Thu nhập khác	29	422.278.781	326.929.924
32	12. Chi phí khác	30	889.325.321	345.303.617
40	13. Lợi nhuận khác		(467.046.540)	(18.373.693)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.037.255.176	17.113.069.787
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	6.983.269.369	3.491.597.127
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		27.053.985.807	13.621.472.660


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.037.255.176	17.113.069.787
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.983.434.157	12.737.751.202
03	- Các khoản dự phòng		20.168.038.543	7.933.108.365
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.317.108.877)	(20.363.023.324,0)
06	- Chi phí lãi vay		24.265.102.436	32.589.624.426
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.136.721.435	50.010.530.456
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		202.801.078.710	(107.151.826.533)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		123.407.925.358	(104.648.078.946)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(93.587.497.781)	128.047.192.248
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.909.435.536)	(5.406.471.045)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(24.381.441.482)	(32.549.781.643)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.928.281.691)	(3.948.424.781)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		30.000.000	1.392.177.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.239.810.000)	(3.207.850.407)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		277.329.259.013	(77.462.533.651)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.621.521.841)	(30.967.257.426)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.257.597.996	70.000.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.000.000.000)	
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.909.040.236	
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.232.521.891	20.115.609.183
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		35.777.638.282	(10.781.648.243)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.848.801.980.116	1.820.715.598.845
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.139.678.936.870)	(1.729.029.147.313)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.991.888.950)	(7.193.511.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(299.868.845.704)	84.492.940.372
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.238.051.591	(3.751.241.522)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		7.159.256.124	10.910.497.646
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>20.397.307.715</u>	<u>7.159.256.124</u>


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dụng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 37.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m2 đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sáu mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

Cũng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	397.702.022	572.272.890
Tiền gửi ngân hàng	19.999.605.693	6.586.983.234
	<u>20.397.307.715</u>	<u>7.159.256.124</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	79.950.000.000	-	74.650.000.000	74.479.832.157	(170.167.843)
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức ⁽¹⁾	79.950.000.000	79.950.000.000	-	59.950.000.000	59.950.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức ⁽²⁾	-	-	-	14.700.000.000	14.529.832.157	(170.167.843)
Đầu tư vào Công ty liên kết	77.515.000.000	76.067.723.852	(1.447.276.148)	77.515.000.000	76.275.209.208	(1.239.790.792)
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức ⁽³⁾	66.640.000.000	66.640.000.000	-	66.640.000.000	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	9.427.723.852	(1.447.276.148)	10.875.000.000	9.635.209.208	(1.239.790.792)
	157.465.000.000	156.017.723.852	(1.447.276.148)	152.165.000.000	150.755.041.365	(1.409.958.635)

Ghi chú: Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được căn cứ vào chỉ tiêu vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm kết thúc niên độ.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

(1) Trong năm Công ty Cổ phần Thép Việt Đức tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng. Số vốn điều lệ tăng thêm là tiền góp vốn của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức theo Nghị quyết số 11/2015-NQ-VGP ngày 30/12/2015 của Hội đồng quản trị, theo đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty con tăng từ 99,92% lên 99,94%.

(2) Trong năm Công ty thực hiện thanh lý Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức do Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức giải thể theo Nghị quyết số 12/2015-NQ-VGP ngày 30/12/2015 của Hội đồng quản trị.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

(3) Trong năm Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức tăng vốn điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 233 tỷ đồng. Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức không góp vốn thêm dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty liên kết giảm từ 39,64% xuống 28,60%.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	53.674.329.113	125.615.238.713
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	34.486.001.583	29.168.310.885
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	3.544.876.177	136.031.508.886
- Các khoản phải thu khách hàng khác	120.760.043.506	106.604.370.933
	212.465.250.379	397.419.429.417
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	212.465.250.379	397.419.429.417
	212.465.250.379	397.419.429.417
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 36)	20.076.192.211	4.965.238.341

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.336.482.222	-	2.071.333.333	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	6.357.533	-	31.030.790	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	22.278.525	-	-	-
Tạm ứng	11.459.382.079	-	14.287.536.591	-
Ký cược, ký quỹ	1.307.438.550	-	4.607.232.731	-
Phải thu khác	61.827.796	-	503.792.577	-
	14.193.766.705	-	21.500.926.022	35.694.692.727

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	33.409.132.198	-	33.409.132.198	19.960.553.187
- Công ty TNHH Trường Quang	9.926.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	19.960.553.187
	33.409.132.198	-	33.409.132.198	19.960.553.187

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	37.546.797.085	-
Nguyên liệu, vật liệu	37.399.615.736	-	77.298.444.986	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.218.506.252	-	6.518.006.761	-
Thành phẩm	82.152.518.474	-	125.385.808.296	-
Hàng hoá	3.511.289.116	-	5.940.797.808	-
	129.281.929.578	-	252.689.854.936	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	26.815.009.675	26.801.522.117
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.226.976.663	18.226.976.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	-
	26.815.009.675	26.801.522.117

(1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án đang trong quá trình chờ các cơ quan chức năng phê duyệt quy hoạch bổ sung.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Dự án đang trong thời gian chờ phê duyệt từ các cơ quan chức năng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	96.698.262.413	125.571.763.440	13.883.188.082	1.685.996.532	237.839.210.467
- Mua trong năm	-	8.528.241.556	10.079.792.727	-	18.608.034.283
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.186.460.400)	(1.929.478.320)	-	(20.115.938.720)
- Giảm khác do phân loại lại	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)
Số dư cuối năm	96.670.542.413	115.626.399.677	22.016.762.489	1.598.574.718	235.912.279.297
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.217.444.141	72.497.558.246	7.084.744.651	958.098.262	107.757.845.300
- Khấu hao trong kỳ	3.769.049.146	9.654.592.034	1.923.568.649	287.836.741	15.635.046.570
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.055.028.024)	(1.793.542.718)	-	(3.848.570.742)
- Giảm khác do phân loại lại	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)
Số dư cuối năm	30.958.773.287	79.809.977.337	7.198.030.582	1.158.513.189	119.125.294.395
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	69.480.818.272	53.074.205.194	6.798.443.431	727.898.270	130.081.365.167
Tại ngày cuối năm	65.711.769.126	35.816.422.340	14.818.731.907	440.061.529	116.786.984.902

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.288.264.976 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số dư cuối năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.545.721.892	69.825.000	2.615.546.892
- Khấu hao trong năm	348.387.587	-	348.387.587
Số dư cuối năm	2.894.109.479	69.825.000	2.963.934.479
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.673.342.937	-	15.673.342.937
Tại ngày cuối năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	1.440.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.034.291.037	4.667.292.848
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	76.565.930	1.324.106.623
	3.110.856.967	7.431.399.471
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.411.546.952	6.588.011.547
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	3.600.000.000	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.153.770.814	2.013.710.332
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.267.078.683	314.600.403
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.445.390	1.330.541.517
	16.476.841.839	10.246.863.799

13 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	130.000.000.000	160.000.000.000
	130.000.000.000	160.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên ⁽¹⁾	282.130.467.344	282.130.467.344	855.559.603.181	1.049.240.000.000	88.450.070.525	88.450.070.525
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên ⁽²⁾	79.822.436.870	79.822.436.870	456.127.094.424	497.963.436.870	37.986.094.424	37.986.094.424
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽³⁾	38.406.913.525	38.406.913.525	226.182.903.964	218.350.000.000	46.239.817.489	46.239.817.489
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	50.000.000.000	50.000.000.000	224.900.000.000	261.175.500.000	13.724.500.000	13.724.500.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾	40.833.256.793	40.833.256.793	86.032.378.547	112.950.000.000	13.915.635.340	13.915.635.340
	491.193.074.532	491.193.074.532	1.848.801.980.116	2.139.678.936.870	200.316.117.778	200.316.117.778

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1509578/HĐTD ngày 18/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/04/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,1%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đã, đang và sẽ thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập khác.

- (2) Hợp đồng tín dụng số 15.51.0168/2015-HĐTDHM/NHCT262-Ông thép Việt Đức ngày 29/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/07/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 6,9%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01815005/HĐTD ngày 30/06/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 6,7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu từ các khách hàng lớn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.050/2015/HĐTD-LPBVP ngày 18/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 17/05/2016. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,1%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 25.914.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh giữa Công ty với DNTN Nam Châm theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ đã được ký kết.

- (5) Hợp đồng tín dụng số 17092014/HĐTDHM/TVD-VPB ngày 29/09/2014 và các phụ lục với các điều khoản:
 - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay dài hạn giữa Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	59.109.193.116	59.109.193.116	66.236.269.292	66.236.269.292
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	8.833.147.921	8.833.147.921	15.651.124.046	15.651.124.046
- Phải trả các đối tượng khác	7.466.887.026	7.466.887.026	90.976.751.806	90.976.751.806
	75.409.228.063	75.409.228.063	172.864.145.144	172.864.145.144
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	75.409.228.063	75.409.228.063	172.864.145.144	172.864.145.144
	75.409.228.063	75.409.228.063	172.864.145.144	172.864.145.144
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)				
	-	-	764.616.325	764.616.325



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	44.858.560.858	42.025.447.891	-	2.833.112.967
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	728.622.740	728.622.740	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.158.931.170	6.983.269.369	4.928.281.691	-	3.213.918.848
Thuế Thu nhập cá nhân	-	45.851.115	717.777.739	688.458.776	-	75.170.078
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	259.916.790	259.916.790	-	-
Các loại thuế khác	-	-	637.620.000	637.620.000	-	-
	-	1.204.782.285	54.185.767.496	49.268.347.888	-	6.122.201.893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	116.339.046
- Chi phí phải trả khác	970.461.738	916.999.721
	970.461.738	1.033.338.767

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	478.121.994	348.749.617
- Bảo hiểm y tế	-	869.175
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.303.660	1.203.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	179.107.623	170.169.073
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	23.353.700
	658.533.277	544.345.165
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.745.054.700	1.803.387.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	20.213.054.700	20.271.387.700

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê Văn phòng	1.153.443.636	320.313.818
	1.153.443.636	320.313.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	17.697.863.458	30.725.983.529	476.241.470.194
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.621.472.660	13.621.472.660
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	-	-	(683.862.386)	(7.200.662.000)	(7.884.524.386)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	1.362.147.266	(3.405.368.165)	(2.043.220.899)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.376.148.338	33.741.426.024	479.935.197.569
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.376.148.338	33.741.426.024	479.935.197.569
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	27.053.985.807	27.053.985.807
Phân phối lợi nhuận năm 2015 ⁽¹⁾	-	-	-	2.705.398.581	(6.763.496.454)	(4.058.097.873)
Chia cổ tức năm 2014 ⁽²⁾	-	-	-	-	(9.000.827.500)	(9.000.827.500)
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	21.081.546.919	45.031.087.877	493.930.258.003

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 28/03/2015 và tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 ngày 31/12/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	27.053.985.807
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	2.705.398.581
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	4.058.097.873
Lợi nhuận chưa phân phối	75,00%	20.290.489.353

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 28/03/2015 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố về việc chia cổ tức năm 2014 với số tiền là 250 đồng/1 cổ phiếu, tương ứng tổng số tiền chia cổ tức là 9.000.827.500 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của các cổ đông	95,75%	360.033.100.000	95,75%	360.033.100.000
- Ông Lê Minh Hải	6,03%	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
- Các cổ đông khác	83,44%	313.748.110.000	83,44%	313.748.110.000
Cổ phiếu quỹ	4,25%	15.964.000.000	4,25%	15.964.000.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu năm	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối năm	375.997.100.000	375.997.100.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- Cổ phiếu phổ thông	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- Cổ phiếu phổ thông	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	21.081.546.919	18.376.148.338
	21.081.546.919	18.376.148.338

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.626,78	221.010,86
	1.626,78	221.010,86

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	937.168.522.541	1.116.234.015.218
Doanh thu bán thành phẩm	1.333.532.455.212	890.478.285.048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.697.399.035	21.307.670.549
	2.302.398.376.788	2.028.019.970.815
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	90.687.518.048	49.191.814.756

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	15.101.909.864	7.285.874.851
Hàng bán bị trả lại	899.634.807	108.833.983
Giảm giá hàng bán	385.490.893	93.771.988
	16.387.035.564	7.488.480.822

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	930.217.789.423	1.106.196.209.025
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.196.847.704.867	804.734.950.534
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.559.363.958	19.639.713.853
	2.158.624.858.248	1.930.570.873.412

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.497.670.780	20.299.386.960
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	39.579.735	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.019.205.756	2.339.766.345
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	26.350.000
	18.556.456.271	22.665.503.305

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.265.102.436	32.589.624.426
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	170.791.921	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	724.142	307.977.846
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	207.485.356	-
	24.644.103.855	32.897.602.272

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	655.387.696	603.665.319
Chi phí nhân công	8.775.988.521	4.773.862.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	915.186.092	881.626.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.545.055.892	28.239.148.534
Chi phí khác bằng tiền	1.107.011.458	1.886.939.780
	44.998.629.659	36.385.242.994

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.317.166.856	1.909.112.364
Chi phí nhân công	13.108.772.229	9.067.210.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.642.705.731	2.194.134.567
Thuế, phí, lệ phí	874.965.180	689.376.256
Chi phí dự phòng	19.960.553.187	7.989.208.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.962.307.939	1.916.999.066
Chi phí khác bằng tiền	1.929.432.895	2.445.790.213
	41.795.904.017	26.211.831.140

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	63.636.364
Thu nhập từ tiền phạt, tiền đền bù tổn thất	421.891.511	262.675.000
Thu nhập khác	387.270	618.560
	422.278.781	326.929.924

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	9.769.982	-
Các khoản bị phạt	235.000.000	253.919.022
Chi phí khác	644.555.339	91.384.595
	889.325.321	345.303.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.037.255.176	17.113.069.787
Các khoản điều chỉnh tăng	879.091.667	344.915.848
- Chi phí không hợp lệ	879.091.667	344.915.848
Thu nhập tính thuế TNDN	34.916.346.843	17.457.985.635
- Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế (*)	34.916.346.843	17.457.985.635
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động được ưu đãi (*)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất của hoạt động còn thu nhập sau khi bù trừ	6.983.269.369	3.491.597.127
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.983.269.369	3.491.597.127
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	110.589.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.158.931.170	1.505.169.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.928.281.691)	(3.948.424.781)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.213.918.848	1.158.931.170

(*) Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo; được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu mang lại.

Theo khoản 9, điều 18, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN thì: Trường hợp trong cùng kỳ tính thuế, doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế, thu nhập khác của các hoạt động kinh doanh (không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật) có thu nhập (hoặc ngược lại) thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động có thu nhập do doanh nghiệp lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của hoạt động còn thu nhập.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.158.779.809.120	854.708.590.927
Chi phí nhân công	31.707.272.096	20.925.694.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.983.434.157	12.737.751.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.512.808.590	33.748.190.399
Chi phí khác bằng tiền	4.724.935.020	6.173.839.026
Chi phí dự phòng	19.960.553.187	7.989.208.365
	1.271.668.812.170	936.283.274.775

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.397.307.715	-	7.159.256.124	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	226.659.017.084	(33.409.132.198)	418.920.355.439	(13.448.579.011)
Các khoản cho vay	130.000.000.000	-	160.000.000.000	-
	377.056.324.799	(33.409.132.198)	586.079.611.563	(13.448.579.011)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	200.316.117.778	491.193.074.532
Phải trả người bán, phải trả khác	96.280.816.040	193.679.878.009
Chi phí phải trả	970.461.738	1.033.338.767
	297.567.395.556	685.906.291.308

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.397.307.715	-	-	20.397.307.715
Phải thu khách hàng, phải thu khác	193.249.884.886	-	-	193.249.884.886
Các khoản cho vay	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000
	213.647.192.601	130.000.000.000	-	343.647.192.601
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.159.256.124	-	-	7.159.256.124
Phải thu khách hàng, phải thu khác	405.471.776.428	-	-	405.471.776.428
Các khoản cho vay	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	412.631.032.552	160.000.000.000	-	572.631.032.552

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



11/1/2016 0:00:00

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.317.200.805.566	937.113.136.623	31.697.399.035	2.286.011.341.224	-	2.286.011.341.224
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.196.847.704.867	930.217.789.423	31.559.363.958	2.158.624.858.248	-	2.158.624.858.248
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	120.353.100.699	6.895.347.200	138.035.077	127.386.482.976	-	127.386.482.976
Tổng chi phí mua TSCĐ	18.608.034.283	-	-	18.608.034.283	-	18.608.034.283
Tài sản bộ phận	376.363.808.642	57.888.518.229	49.350.059.257	483.602.386.128	-	483.602.386.128
Tài sản không phân bổ				312.832.733.527	-	312.832.733.527
Tổng tài sản	394.971.842.925	57.888.518.229	49.350.059.257	815.043.153.938	-	815.043.153.938
Nợ phải trả bộ phận	212.987.756.545	79.586.094.424	2.898.498.336	295.472.349.305	-	295.472.349.305
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	25.640.546.630	-	25.640.546.630
Tổng nợ phải trả	212.987.756.545	79.586.094.424	2.898.498.336	321.112.895.935	-	321.112.895.935

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		90.687.518.048	49.191.814.756
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	27.620.752.530	14.272.803.388
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	61.537.020.414	34.160.922.124
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	-	396.248.588
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.529.745.104	361.840.656
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		3.885.757.947	4.854.259.886
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	297.779.802	403.020.415
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	2.845.215.835	3.933.922.424
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	-	9.863.850
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	742.762.310	507.453.197
Lãi cho vay vốn		17.457.593.332	20.256.888.890
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	17.457.593.332	20.256.888.890

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu tiền hàng		20.076.192.211	4.965.238.341
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	1.231.251.360	279.684.616
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	18.750.737.269	3.785.072.333
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	94.203.582	900.481.392
Người mua trả tiền trước		-	-
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	-	4.450.000.000
Phải trả tiền hàng		-	764.616.325
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	-	764.616.325
Cho vay dài hạn		130.000.000.000	160.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	130.000.000.000	160.000.000.000
Phải thu lãi cho vay		1.336.482.222	2.071.333.333
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.336.482.222	2.071.333.333
Phải trả khác		18.468.000.000	18.468.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.153.500.000	1.242.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	687.158.537.599	100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	687.158.537.599	-
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.159.256.124	110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.159.256.124	-
111	1. Tiền	7.159.256.124	111	1. Tiền	7.159.256.124	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	393.962.688.986	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	412.857.458.308	18.894.769.322
131	1. Phải thu khách hàng	397.419.429.417	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	397.419.429.417	-
132	2. Trả trước cho người bán	7.385.681.880	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.385.681.880	-
135	5. Các khoản phải thu khác	2.606.156.700	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	21.500.926.022	18.894.769.322
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.448.579.011)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.448.579.011)	-
140	IV. Hàng tồn kho	252.689.854.936	140	IV. Hàng tồn kho	252.689.854.936	-
141	1. Hàng tồn kho	252.689.854.936	141	1. Hàng tồn kho	252.689.854.936	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	33.346.737.553	150	V. Tài sản ngắn hạn khác	14.451.968.231	(18.894.769.322)
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.431.399.471	151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.431.399.471	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	7.020.568.760	152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	7.020.568.760	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	18.894.769.322	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(18.894.769.322)



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	493.558.135.385	200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	493.558.135.385	-
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	210	I. Các khoản phải thu dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
			215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
220	II. Tài sản cố định	172.556.230.221	220	II. Tài sản cố định	145.754.708.104	(26.801.522.117)
221	1. Tài sản cố định hữu hình	130.081.365.167	221	1. Tài sản cố định hữu hình	130.081.365.167	-
222	- Nguyên giá	237.839.210.467	222	- Nguyên giá	237.839.210.467	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(107.757.845.300)	223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(107.757.845.300)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	15.673.342.937	227	3. Tài sản cố định vô hình	15.673.342.937	-
228	- Nguyên giá	18.288.889.829	228	- Nguyên giá	18.288.889.829	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.615.546.892)	229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.615.546.892)	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.801.522.117				(26.801.522.117)
			240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	26.801.522.117	26.801.522.117
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.801.522.117	26.801.522.117
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	310.755.041.365	250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	150.755.041.365	(160.000.000.000)
251	1. Đầu tư vào công ty con	74.650.000.000	251	1. Đầu tư vào công ty con	74.650.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	77.515.000.000	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	77.515.000.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	160.000.000.000	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(160.000.000.000)
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.409.958.635)	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.409.958.635)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác	10.246.863.799	260	VI. Tài sản dài hạn khác	10.246.863.799	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.246.863.799	261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.246.863.799	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.180.716.672.984	270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.180.716.672.984	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
300	A . NỢ PHẢI TRẢ	700.781.475.415	300	C. NỢ PHẢI TRẢ	700.781.475.415	-
310	I. Nợ ngắn hạn	680.189.773.897	310	I. Nợ ngắn hạn	680.510.087.715	320.313.818
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	491.193.074.532	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	491.193.074.532	-
312	2. Phải trả người bán	172.864.145.144	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	172.864.145.144	-
313	3. Người mua trả tiền trước	5.327.259.914	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.327.259.914	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.204.782.285	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.204.782.285	-
315	5. Phải trả người lao động	3.698.569.332	314	5. Phải trả người lao động	3.698.569.332	-
316	6. Chi phí phải trả	1.033.338.767	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.033.338.767	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	320.313.818	320.313.818
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	544.345.165	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	544.345.165	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.324.258.758	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.324.258.758	-
330	II. Nợ dài hạn	20.591.701.518	330	II. Nợ dài hạn	20.271.387.700	(320.313.818)
333	3. Phải trả dài hạn khác	20.271.387.700	337	6. Phải trả dài hạn khác	20.271.387.700	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	320.313.818	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(320.313.818)



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	479.935.197.569	400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	479.935.197.569	-
410	I. Vốn chủ sở hữu	479.935.197.569	410	I. Vốn chủ sở hữu	479.935.197.569	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	375.997.100.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	375.997.100.000	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	67.810.722.053	412	2. Thặng dư vốn cổ phần	67.810.722.053	-
414	4. Cổ phiếu quỹ	(15.990.198.846)	415	5. Cổ phiếu quỹ	(15.990.198.846)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	11.879.120.219	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	18.376.148.338	6.497.028.119
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	6.497.028.119				(6.497.028.119)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.741.426.024	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.741.426.024	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	23.525.321.529	-
			421b	- LNST chưa phân phối năm này	10.216.104.495	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.180.716.672.984	440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.180.716.672.984	-



Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016

